

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/MÔ ĐUN

Lớp: **TBN21BAP** Năm học: **21-22**
Mã môn học/ Mô đun: **MH02111** Học kỳ: **02**
Tên môn học/ Mô đun: **Kỹ năng giao tiếp**
Số tín chỉ: **2**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1			Hệ số 2				ThiL1	ThiL2	ĐMH/ MD		
1	21BTBN0338	Nguyễn Trương Gia	Bảo	21/05/2006				7	7	7				0.0	0.0	2.8
2	21BTBN0339	Nguyễn Văn	Chanh	10/08/2006				7	8	8				3.5		5.2
3	21BTBN0342	Đoàn Thị Kim	Khánh	20/07/2006				8	9	9				4.8		6.4
4	21BTBN0343	Trần Quốc	Khánh	21/11/2006				8	9	9				4.3		6.1
5	21BTBN0347	Nguyễn Văn	Nhịn	05/06/2006				7	8	8				6.3		6.9
6	21BTBN0348	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	26/09/2006				8	8	9				5.5		6.7
7	21BTBN0349	Huỳnh Tấn	Nhựt	11/07/2004				8	8	8				6.3		7.0
8	21BTBN0352	La Thành	Toàn	29/10/2006				7	7	7				2.5	0.0	4.3
9	21BTBN0353	Trương Ngọc	Trân	11/06/2006				9	8	9				2.5	4.3	6.0
10	21BTBN0354	Mã Thiện	Vi	29/09/2006				7	8	8				0.0	4.3	5.7
11	21BTBN0357	Huỳnh Thị Ngọc	Yến	10/11/2006				7	7	7				0.0	0.0	2.8

Châu Đốc, ngày 6 tháng 10 năm 2022

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Trương Quốc Bình